

**TÒA ÁN NHA DA
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13/9/2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHA DA HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhA dA: - Ông Nguyễn Thanh Sơn

- Ông Đặng Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhA dA huyện
Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhA dA huyện Hàm Thuận Bắc,
tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 406/2022/TLST-HNGĐ
ngày 29 tháng 6 năm 2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; Theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2022, Quyết
định hoãn phiên tòa số 78/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2022, giữa các đương
sự:

N đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 1980

Bị đơn: Anh Võ Lê Trọng N, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà C; Vắng mặt ông N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2022, bản khai của N đơn chị Lê Thị C
trình bày:**

Về quan hệ hôn nhA: Chị và anh Võ Lê Trọng N qua tìm hiểu thấy hợp T1h
tình nên cả hai quyết định cưới nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban
nhA dA xã Hàm Nhơn nay là Ủy ban nhA dA thị trấn Phú Long, huyện Hàm
Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 12/9/2000.
Việc cưới nhau là do hai bên tự N, không bị ai ép buộc và được gia đình hai bên
đồng ý. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu

thuần. N nhA mâu thuẫn là do không hợp quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, khiến cuộc sống luôn căng thẳng, nặng nề. Anh N thường xuyên chửi bới, đánh đập chị bầm tím cả người, nhiều lần chị góp ý để anh N sửa chữa nhưng anh N vẫn không thay đổi. Vợ chồng hiện nay sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và N vọng của chị là yêu cầu xin được ly hôn với anh Võ Lê Trọng N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Lê Trọng A, sinh ngày 20/10/2000, Võ Lê Trọng T1, sinh ngày 19/10/2005 và Võ Lê Khánh T, sinh ngày 12/3/2013. Khi ly hôn, chị không yêu cầu giải quyết con tên Võ Lê Trọng A vì đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, còn con tên Võ Lê Trọng T1 và Võ Lê Khánh T chị xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con số tiền là 1.000.000đồng/tháng/02 con nhưng tại bản khai ngày 19/7/2022, chị thay đổi yêu cầu không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Lê Trọng N trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị C về thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ vì thời gian gần đây anh không làm ra kinh tế, trong khi đó chị C làm ra kinh tế nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bù lại việc anh không làm ra kinh tế thì anh chăm lo con cái, làm công việc nội trợ gia đình. Anh thừa nhận có chửi, đánh chị C nhưng cách đây đã ba năm trước, vì lý do ghen tuông. Hiện nay thì anh đã thay đổi tính tình, không còn chửi, đánh chị C nữa. Nay chị C đề nghị ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ và các con, không muốn các con bất hạnh, thiếu tình thương của cha hoặc mẹ, xin Tòa án giải quyết cho đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Lê Trọng A, sinh ngày 20/10/2000, Võ Lê Trọng T1, sinh ngày 19/10/2005 và Võ Lê Khánh T, sinh ngày 12/3/2013. Do không đồng ý ly hôn nên anh N không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Lê Trọng N vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

N đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Võ Lê Trọng N. Đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhA dA huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dA sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Võ Lê Trọng N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng và được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ anh N tự từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dA sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Võ Lê Trọng N.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhA*: Hôn nhA của chị Lê Thị C và anh Võ Lê Trọng N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhA dA xã Hàm Nhơn nay là Ủy ban nhA dA thị trấn Phú Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 12/9/2000. Đây là hôn nhA hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhA và gia đình. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo chị C trình bày, N nhA mâu thuẫn vợ chồng là do không cùng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, khiến cuộc sống luôn căng thẳng, nặng nề. Anh N thường xuyên chửi bới, đánh đập chị bầm tím cả người, nhiều lần chị góp ý để anh N sửa chữa nhưng anh N vẫn không thay đổi. Vợ chồng hiện nay sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và N vọng của chị là yêu cầu xin được ly hôn với anh Võ Lê Trọng N. Theo anh N trình bày, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ vì thời gian gần đây anh không làm ra kinh tế, trong khi đó chị C làm ra kinh tế nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bù lại việc anh không làm ra kinh tế thì anh chăm lo con cái, làm công việc nội trợ gia đình. Anh thừa nhận có chửi, đánh chị C nhưng cách đây đã ba năm trước, vì lý do ghen tuông. Hiện nay thì anh đã thay đổi T1h tình, không còn chửi, đánh chị C nữa. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn của chị C và anh N đã trầm trọng, thể hiện trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị C cương quyết đề nghị được ly hôn; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh N vắng mặt không tham dự hòa giải. Việc anh N không tham dự phiên hòa giải thể hiện anh N không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhA của mình. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhA giữa chị Lê Thị C và anh Võ Lê Trọng N

thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và mong muốn kéo dài cuộc sống chung chỉ xuất phát từ một bên anh N. Do vậy, chị C yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận; anh N yêu cầu đoàn tụ là không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị C.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Lê Trọng A, sinh ngày 20/10/2000, Võ Lê Trọng T1, sinh ngày 19/10/2005 và Võ Lê Khánh T, sinh ngày 12/3/2013. Khi ly hôn, chị C không yêu cầu giải quyết con tên Võ Lê Trọng A vì đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, còn con tên Võ Lê Trọng T1 và Võ Lê Khánh T, chị C xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con tên T1 và T, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Con là con chung của cha mẹ, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Tại bản khai ngày 06/7/2022, cháu T1 và cháu T trình bày là không muốn ba mẹ ly hôn, nếu Tòa án vẫn giải quyết cho ba mẹ ly hôn thì cháu T1 có N vọng được ở với ba, còn cháu T có N vọng được ở với mẹ. Vì vậy, nên giao con chung tên Võ Lê Trọng T1, sinh ngày 19/10/2005 cho anh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Võ Lê Khánh T, sinh ngày 12/3/2013 cho chị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C và anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Võ Lê Trọng N không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 91, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 146, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị C. Chị Lê Thị C được ly hôn với anh Võ Lê Trọng N.

2. *Về con chung*:

Giao con chung tên Võ Lê Trọng T1, sinh ngày 19/10/2005 cho anh Võ Lê Trọng N trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Võ Lê Khánh T, sinh ngày 12/3/2013 cho chị Lê Thị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Chị C và anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị Lê Thị C và anh Võ Lê Trọng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị C phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị C đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0010922 ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án địa sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không phải nộp nữa.

Anh Võ Lê Trọng N không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, T1h từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/9/2022). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, T1h từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- UBND thị trấn Phú Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thị Kim Hoa

